

## TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

#### a) Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung vào gieo trồng lúa mùa, chăm sóc vụ hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm. Tính đến ngày 15/7, cả nước đã gieo cấy được 1.000,5 nghìn ha lúa mùa, bằng 94,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 838 nghìn ha, bằng 93,4%; các địa phương phía Nam gieo cấy 162,5 nghìn ha, bằng 102,1%. Tiến độ gieo cấy lúa mùa ở các địa phương phía Bắc năm nay chậm hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do ảnh hưởng của lịch thời vụ sản xuất lúa đông xuân kéo dài. Hiện nay các địa phương phía Bắc đang khẩn trương hoàn thành công tác gieo cấy. Trong tháng xuất hiện mưa lớn trên diện rộng, gây ngập úng nhiều diện tích lúa, các địa phương cần theo dõi sát diễn biến thời tiết, tăng cường công tác kiểm tra, phòng chống sâu bệnh, hướng dẫn người dân chăm sóc lúa đúng kỹ thuật để đạt năng suất cao.

Đến trung tuần tháng Bảy, cả nước gieo cấy được 2.050,1 nghìn ha lúa hè thu, bằng 99,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 174,4 nghìn ha, bằng 100,6%; các địa phương phía Nam đạt 1.875,7 nghìn ha, bằng 99,6%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.602,5 nghìn ha, bằng 99,6%. Hiện nay trà lúa hè thu sớm đã cho thu hoạch với diện tích đạt 462,4 nghìn ha, bằng 79,6% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 450,6 nghìn ha, bằng 79,3%. Diện tích thu hoạch trà lúa hè thu sớm năm nay giảm so với cùng kỳ năm 2017 do mưa lớn trên diện rộng ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch.

Cũng đến thời điểm trên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 251,1 nghìn ha lúa thu đông, bằng 72,2% cùng kỳ năm trước. Do mùa lũ nước rút chậm, đồng thời để tránh dịch bệnh cho cây và tuân thủ lịch thời vụ của ngành nông nghiệp nên vụ thu đông năm nay gieo xạ chậm hơn cùng kỳ. Hiện tại lúa thu đông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang sinh

trưởng và phát triển khá tốt.

Tính đến giữa tháng Bảy, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 833,7 nghìn ha ngô, bằng 97% cùng kỳ năm trước; 93,2 nghìn ha khoai lang, bằng 92,3%; 155,6 nghìn ha lạc, bằng 90,2%; 33,6 nghìn ha đậu tương, bằng 61,2%; 833 nghìn ha rau, đậu, bằng 98%.

Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm nhìn chung ổn định, dịch bệnh được kiểm soát. Chăn nuôi lợn những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ nhưng từ tháng Tư giá thịt lợn hơi đã tăng trở lại và hiện đang ở mức 46.000 đồng/kg - 50.000 đồng/kg, là mức giá người chăn nuôi có lãi. Tính đến tháng Bảy, đàn trâu cả nước giảm 1,2%; đàn bò tăng 2,3%; đàn gia cầm tăng 5,4%; đàn lợn giảm 2,8%. Đến ngày 25/7/2018, cả nước không còn dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

### ***b) Lâm nghiệp***

Trong tháng Bảy, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 14,2 nghìn ha, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,2 triệu cây, giảm 0,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.042 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 5,4%; sản lượng củi khai thác đạt 1,7 triệu ste, giảm 0,6%. Một số địa phương có sản lượng gỗ khai thác trong tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Nghệ An tăng 24,9%; Quảng Ngãi tăng 16%; Quảng Trị tăng 14,6%; Phú Thọ tăng 11%; Bắc Giang tăng 8,7%. Tính chung 7 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 115,8 nghìn ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 42,8 triệu cây, tăng 0,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 6.486 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 8,5%; sản lượng củi khai thác đạt 14,8 triệu ste, giảm 1,6%.

Trong 7 tháng năm 2018, diện tích rừng bị thiệt hại là 720,3 ha, giảm 25,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 279,3 ha, giảm 27,9%; diện tích rừng bị chặt phá là 414 ha, giảm 24,1%.

### ***c) Thủy sản***

Trong tháng Bảy, sản lượng thủy sản cả nước ước tính đạt 713,1 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 500,5 nghìn tấn, tăng 5,9%;

tôm đạt 104,2 nghìn tấn, tăng 10,6%; thủy sản khác đạt 108,4 nghìn tấn, tăng 2,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 376,7 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 243 nghìn tấn, tăng 6,2%; tôm đạt 89,6 nghìn tấn, tăng 12%. Nuôi cá tra tiếp tục đạt khá. Sản lượng cá tra tháng Bảy ước tính đạt 115 nghìn tấn, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Đồng Tháp đạt 40,4 nghìn tấn, tăng 5%; An Giang 35,1 nghìn tấn, tăng 54%; Cần Thơ 14,7 nghìn tấn, tăng 1%. Nuôi tôm nước lợ đạt khá, giá tôm thẻ chân trắng đang có xu hướng tăng trở lại. Sản lượng tôm sú đạt 31,9 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng đạt 53 nghìn tấn, tăng 16%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 7/2018 ước tính đạt 336,4 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 257,5 nghìn tấn, tăng 5,6%; tôm đạt 14,6 nghìn tấn, tăng 2,8%. Thời tiết đầu tháng Bảy tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác biển nhưng đến trung tuần tháng Bảy, áp thấp nhiệt đới trên biển Đông đã ảnh hưởng tới sản lượng khai thác. Khai thác biển tháng Bảy ước tính đạt 317 nghìn tấn, tăng 5,2%.

Tính chung 7 tháng năm 2018, sản lượng thủy sản ước tính đạt 4.274,2 nghìn tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.170,2 nghìn tấn, tăng 6,5%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.104 nghìn tấn, tăng 5% (sản lượng khai thác biển đạt 2.001,7 nghìn tấn, tăng 5,2%).

## **2. Sản xuất công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp trong tháng đạt mức tăng trưởng khá. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Bảy ước tính tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 2,8%; ngành chế biến, chế tạo tăng 16,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 12,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,6%.

Tính chung 7 tháng năm 2018, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,1% của cùng kỳ

năm 2017<sup>[1]</sup>. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo duy trì tốc độ tăng trưởng cao 13,1%, đóng góp 9,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,7%, đóng góp 1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,6%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 0,5%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm mức tăng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 7 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 64,1%<sup>[2]</sup>; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng tăng 25,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 20,1%; sản xuất kim loại tăng 19,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 17,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 16,4%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 4,9%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị tăng 4,5%; sản xuất thuốc lá tăng 4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 2,8%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4,3% (khai thác dầu thô giảm 11,3%; khai thác khí đốt tự nhiên tăng 3,2%); khai khoáng khác (đá, cát, sỏi...) giảm 2,4%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sắt, thép thô tăng 41,1%; xe chở khách tăng 32,9%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 32,7%; vải dệt từ sợi tổng hợp tăng 19,1%; đường kính tăng 18,9%; thức ăn cho thủy sản tăng 18,5%; ti vi tăng 14%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Thức ăn cho gia súc tăng 1,8%; bột ngọt tăng 1%; gạch xây bằng đất nung giảm 0,3%; sữa tươi giảm 0,5%; điện thoại di động giảm 0,9%; dầu gội đầu, dầu xả giảm 2%; sữa tắm, sữa rửa mặt giảm 2,8%; phân u rê giảm 3,5%; dầu thô khai thác giảm 11,3%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2018 của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó dẫn đầu là Hà Tĩnh với mức tăng 149,3%, chủ yếu do đóng của Tập đoàn Formosa; tiếp theo là Thanh Hóa tăng 28% do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn đã bắt đầu đi vào hoạt động; địa phương có mức tăng thấp nhất là Trà Vinh với 1%

do Công ty Nhiệt điện Duyên Hải (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam) giảm sản lượng điện sản xuất trong tháng Sáu và tháng Bảy vì thủy điện đang hoạt động đủ công suất. Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2018 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Hải Phòng tăng 24,2%; Bắc Ninh tăng 19,5%; Vĩnh Phúc tăng 12,4%; Thái Nguyên tăng 12,1%; Hải Dương tăng 10,2%; Quảng Ninh tăng 10,1%; Bình Dương tăng 9,1%; Đồng Nai tăng 8,4%; Cần Thơ tăng 8%; Đà Nẵng tăng 7,9%; Hà Nội tăng 7,6%; Quảng Nam tăng 7,5%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,3%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 3,2%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/7/2018 tăng 3% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 3,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 3,1%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 2% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 3,1%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0,2%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,3%.

Lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 1/7/2018 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Cần Thơ tăng 23,5%; Hải Phòng tăng 8,9%; Quảng Ninh tăng 6,6%; Hà Nội tăng 5,4%; Đồng Nai tăng 4,6%; Bình Dương tăng 3,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 3,1%; Hải Dương tăng 2,9%; Quảng Nam tăng 2,7%; Vĩnh Phúc tăng 1,1%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,3%; Thái Nguyên giảm 0,3%; Bắc Ninh giảm 3,2%; Đà Nẵng giảm 6,8%[3].

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp[4]**

Trong tháng Bảy, cả nước có 11.262 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 122,1 nghìn tỷ đồng, giảm 7,8% về số doanh nghiệp và giảm 7,6% về số vốn đăng ký so với tháng trước[5]; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 10,8 tỷ đồng, tăng 0,2%; tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới là 115 nghìn người, tăng 19,9%. Trong tháng, cả

nước còn có 2.970 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 9% so với tháng trước; có 7.972 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm: 2.442 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 5.530 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), giảm 9%; có 1.085 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 1%.

Tính chung 7 tháng, cả nước có 75.793 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 771,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,9% về số doanh nghiệp và tăng 11,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017[6]; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 7,4%. Nếu tính cả 1.460,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong 7 tháng năm 2018 là 2.231,5 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 18.696 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 7 tháng năm nay lên gần 94,5 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới 7 tháng năm 2018 là 623,5 nghìn người, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước.

Theo lĩnh vực hoạt động, trong 7 tháng năm nay có 25,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm 33,9% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; 10,1 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 13,3%), tăng 5,2%; 9,4 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,4%), giảm 0,9%; 5,7 nghìn doanh nghiệp khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,6%), tăng 3,9%; 4,4 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 5,8%), tăng 15,4%; 3,9 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,2%), tăng 12,7%; 3,9 nghìn doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chiếm 5,1%), tăng 43,9%; 3,3 nghìn doanh nghiệp vận tải, kho bãi (chiếm 4,4%), giảm 6,3%...

Trong 7 tháng năm nay, số doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng trong

cả nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước: Vùng Đồng bằng sông Hồng có 22,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 1,2% (vốn đăng ký đạt 225,1 nghìn tỷ đồng, tăng 34,7%); Trung du và miền núi phía Bắc 3,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 2,8% (vốn đăng ký 28,7 nghìn tỷ đồng, giảm 13,4%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 10,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,4% (vốn đăng ký 98,3 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6%); Tây Nguyên 1,8 nghìn doanh nghiệp, giảm 1,2% (vốn đăng ký 12 nghìn tỷ đồng, giảm 18,1%); Đông Nam Bộ 32,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 5% (vốn đăng ký 356,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1%); Đồng bằng sông Cửu Long 5,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,4% (vốn đăng ký 50,4 nghìn tỷ đồng, tăng 31,1%).

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 7 tháng năm 2018 là 59.910 doanh nghiệp, tăng 38,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 19.994 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 26% và 39.916 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 45,6%[7]. Theo lĩnh vực hoạt động, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn ở tất các lĩnh vực đều tăng so với cùng kỳ năm trước: Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 7,8 nghìn doanh nghiệp (chiếm 39,2%), tăng 24,9%; 3 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 15,1%), tăng 26,5%; 2,5 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,5%), tăng 21%; 1,1 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,4%), tăng 32,4%... Đối với các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 14 nghìn doanh nghiệp (chiếm 35,1%), tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước; 6,1 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 15,2%), tăng 63,3%; 5,1 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,8%), tăng 65,2%; 2,4 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 6,1%), tăng 81,3%; 2,2 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,5%), tăng 70,3%...

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 7 tháng năm 2018 là 7.714 doanh nghiệp, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 7.043

doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,3% và tăng 15,4%. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 3 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước; công nghiệp chế biến, chế tạo có 1,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,2%; xây dựng có 792 doanh nghiệp, tăng 6,9%.

#### **4. Đầu tư**

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Bảy ước tính đạt 29,2 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Vốn trung ương 5,4 nghìn tỷ đồng; vốn địa phương 23,8 nghìn tỷ đồng. Tính chung 7 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 153,7 nghìn tỷ đồng, bằng 44,5% kế hoạch năm và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2017 bằng 45,2% và tăng 6,4%), gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 28,2 nghìn tỷ đồng, bằng 42,8% kế hoạch năm và giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải đạt 9.685 tỷ đồng, bằng 52,6% và giảm 42,9%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 3.024 tỷ đồng, bằng 37,5% và tăng 17,9%; Bộ Y tế 1.092 tỷ đồng, bằng 33% và giảm 45,1%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 581 tỷ đồng, bằng 39,2% và tăng 53,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 471 tỷ đồng, bằng 34,7% và tăng 29,8%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 290 tỷ đồng, bằng 38,7% và tăng 8,2%; Bộ Xây dựng 123 tỷ đồng, bằng 45,1% và giảm 55,2%; Bộ Công Thương 99 tỷ đồng, bằng 44,8% và giảm 18%; Bộ Khoa học và Công nghệ 94 tỷ đồng, bằng 38,9% và tăng 59,3%; Bộ Thông tin và Truyền thông 54 tỷ đồng, bằng 40,3% và tăng 17,3%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 125,5 nghìn tỷ đồng, bằng 44,9% kế hoạch năm và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 87,4 nghìn tỷ đồng, bằng 42,1% và tăng 16,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 31,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,2% và tăng 15%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, bằng 63,9% và tăng 12,3%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2018 của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 18



nghìn tỷ đồng, bằng 47,2% kế hoạch năm và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 10,5 nghìn tỷ đồng, bằng 25,4% và tăng 9,6%; Quảng Ninh 4.857 tỷ đồng, bằng 50,1% và tăng 50,7%; Hải Phòng 3.997 tỷ đồng, bằng 43,9% và tăng 68,9%; Thanh Hóa 3.481 tỷ đồng, bằng 55,3% và tăng 31,8%; Bình Dương 3.362 tỷ đồng, bằng 42,2% và tăng 8,2%; Nghệ An 3.151 tỷ đồng, bằng 53,8% và tăng 3,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu 3.151 tỷ đồng, bằng 48,4% và tăng 27,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong tháng Bảy cao hơn tháng trước và cùng kỳ năm trước nhưng nhìn chung tình hình giải ngân và thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước trong 7 tháng năm nay vẫn còn chậm. Các Bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn, bảo đảm kế hoạch đề ra.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/7/2018 thu hút 1.656 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 13.205,4 triệu USD, tăng 20,2% về số dự án và tăng 2,2% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 627 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 4.947,2 triệu USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 7 tháng đạt 18.152,6 triệu USD, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 7 tháng năm nay ước tính đạt 9,85 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 7 tháng năm 2018 còn có 3.311 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 4,79 tỷ USD, tăng 53,3% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có 475 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 1,64 tỷ USD và 2.836 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 3,15 tỷ USD.

Trong 7 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới

đạt 5.205,2 triệu USD, chiếm 39,4% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 5.003,1 triệu USD, chiếm 37,9%; các ngành còn lại đạt 2.997,1 triệu USD, chiếm 22,7%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 7 tháng năm nay đạt 8.428,1 triệu USD, chiếm 46,4% tổng vốn đăng ký; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 5.205,2 triệu USD, chiếm 28,7%; các ngành còn lại đạt 4.519,3 triệu USD, chiếm 24,9%. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1.196,9 triệu USD, chiếm 25% tổng giá trị góp vốn; ngành bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 1.062,1 triệu USD, chiếm 22,2%; các ngành còn lại đạt 2.533,2 triệu USD, chiếm 52,8%.

Cả nước có 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới trong 7 tháng đầu năm, trong đó Hà Nội có số vốn đăng ký lớn nhất với 5.670 triệu USD, chiếm 42,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Bà Rịa - Vũng Tàu 1.769,3 triệu USD, chiếm 13,4%; Bình Dương 566 triệu USD, chiếm 4,3%; thành phố Hồ Chí Minh 528,1 triệu USD, chiếm 4%; Đồng Nai 499,6 triệu USD, chiếm 3,8%; Ninh Thuận 385,1 triệu USD, chiếm 2,9%; Bạc Liêu 365,8 triệu USD, chiếm 2,8%; Kiên Giang 353,5 triệu USD, chiếm 2,7%; Hải Phòng 346,2 triệu USD, chiếm 2,6%.

Trong số 63 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 7 tháng năm nay, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 5.815,5 triệu USD, chiếm 44% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 3.326,1 triệu USD, chiếm 25,2%; Thái Lan 664,4 triệu USD, chiếm 5%; Xin-ga-po 611,3 triệu USD, chiếm 4,6%; Pháp 485,7 triệu USD, chiếm 3,7%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) 466,5 triệu USD, chiếm 3,5%; Trung Quốc 461,1 triệu USD, chiếm 3,5%.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 7 tháng năm nay có 81 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là

238,3 triệu USD; 21 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 41,3 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 7 tháng năm 2018 đạt 279,6 triệu USD, trong đó lĩnh vực tài chính, ngân hàng đạt 105,8 triệu USD, chiếm 37,8% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 63,8 triệu USD, chiếm 22,8%; lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 45,5 triệu USD, chiếm 16,3%. Trong 7 tháng có 32 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó dẫn đầu là Lào với 84 triệu USD, chiếm 30% tổng vốn đầu tư; I-ta-li-a 37,1 triệu USD, chiếm 13,3%; Xi-lô-va-ki-a 35,9 triệu USD, chiếm 12,9%.

### **5. Thu, chi ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/7/2018 ước tính đạt 681,6 nghìn tỷ đồng, bằng 51,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 540,1 nghìn tỷ đồng, bằng 49,1%; thu từ dầu thô đạt 31,7 nghìn tỷ đồng, bằng 88,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 107,8 nghìn tỷ đồng, bằng 60,2%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 74 nghìn tỷ đồng, bằng 44,5% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 87,7 nghìn tỷ đồng, bằng 39,4%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 107,1 nghìn tỷ đồng, bằng 49,1%; thu thuế thu nhập cá nhân 53,2 nghìn tỷ đồng, bằng 54,9%; thu thuế bảo vệ môi trường 22,9 nghìn tỷ đồng, bằng 46,9%; thu tiền sử dụng đất đạt 84,8 nghìn tỷ đồng, bằng 98,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/7/2018 ước tính đạt 717,5 nghìn tỷ đồng, bằng 47,1% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 494,2 nghìn tỷ đồng, bằng 52,5%; chi đầu tư phát triển đạt 150 nghìn tỷ đồng, bằng 37,5%; chi trả nợ lãi 67,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7%.

### **6. Thương mại, chỉ số giá, vận tải và du lịch**

#### ***a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

Hoạt động thương mại dịch vụ 7 tháng năm nay tiếp tục xu hướng tăng khá, sức mua tiêu dùng tăng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Bảy ước tính đạt 371,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so

với tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 277,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% và tăng 14%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 45,9 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% và tăng 6,4%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và tăng 9,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 45 nghìn tỷ đồng, tăng 1% và tăng 17,4%. Tính chung 7 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 2.493,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,4% (cùng kỳ năm 2017 tăng 7,98%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng năm nay ước tính đạt 1.875 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,2% tổng mức và tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành hàng lương thực, thực phẩm tăng 12,6%; may mặc tăng 12,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 12,3%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 10,3%; phương tiện đi lại tăng 10,4%. Một số địa phương có mức tăng khá: Thái Nguyên tăng 13,3%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,8%; Thanh Hóa tăng 12,8%; Lâm Đồng tăng 12,7%; Bình Định 12,4%; Bắc Giang tăng 12,3%; Hà Nội tăng 12,2%; Nam Định tăng 12,2%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 7 tháng ước tính đạt 306,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng mức và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lâm Đồng tăng 13,3%; Bình Định tăng 13,3%; Phú Yên tăng 12,9%; Quảng Bình tăng 11%; Lào Cai tăng 10,8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 9,5%; Hà Nội tăng 6,4%.

Doanh thu du lịch lữ hành 7 tháng năm nay ước tính đạt 23,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có mức tăng khá: Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 27,1%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 21,9%; Quảng Nam tăng 16,3%; Quảng Ninh tăng 15,9%; Hà Nội tăng 12,6%.

Doanh thu dịch vụ khác 7 tháng ước tính đạt 288,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng mức và tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó doanh thu của Bình Thuận tăng 13,3%; Khánh Hòa tăng 12,3%; thành phố Hồ Chí

Minh tăng 10,2%; Đà Nẵng tăng 10%; Hà Nội tăng 5,8%.

***b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa***

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 6/2018 đạt 19.845 triệu USD, cao hơn 245 triệu USD so với số ước tính, trong đó hàng dệt may cao hơn 245 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 120 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 58 triệu USD; sắt thép cao hơn 45 triệu USD; xăng dầu cao hơn 27 triệu USD; thủy sản cao hơn 14 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện thấp hơn 13 triệu USD; rau quả và hạt điều cùng thấp hơn 24 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng thấp hơn 37 triệu USD; gạo thấp hơn 59 triệu USD; giày dép thấp hơn 95 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 7/2018 ước tính đạt 19,50 tỷ USD, giảm 1,7% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,85 tỷ USD, giảm 2,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,65 tỷ USD, giảm 1,2%. Một số mặt hàng xuất khẩu trong tháng Bảy có kim ngạch giảm: Điện tử máy tính và linh kiện giảm 7,5%; sắt thép giảm 8,7%; hóa chất giảm 9,2%; xăng dầu giảm 14,4%; gạo giảm 18,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng giảm 19%. Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch tăng: Than đá tăng 59,4%; dầu thô tăng 40,9%; hàng dệt may tăng 5,6%; điện thoại và linh kiện tăng 5,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Bảy tăng 10,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 10,3%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước: Hàng dệt may tăng 18,3%; điện thoại và linh kiện tăng 14%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 10,2%.

Tính chung 7 tháng năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 133,69 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 39,03 tỷ USD, tăng 18,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 94,66 tỷ USD (chiếm 70,8% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 14%. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện đạt 26,1 tỷ USD, tăng

15,8%; hàng dệt may đạt 16,5 tỷ USD, tăng 16,2%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 15,7 tỷ USD, tăng 14,8%; giày dép đạt 9,1 tỷ USD, tăng 8,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 9 tỷ USD, tăng 27,1%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 13,4%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 4,6 tỷ USD, tăng 15,2%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản, thủy sản cũng tăng khá: Thủy sản đạt 4,7 tỷ USD, tăng 8,1%; rau quả đạt 2,3 tỷ USD, tăng 14,6%; gạo đạt 2 tỷ USD, tăng 31,5% (lượng tăng 14,2%); hạt điều đạt 2 tỷ USD, tăng 6,5% (lượng tăng 9,4%). Một số mặt hàng nông sản tuy có lượng xuất khẩu tăng nhưng kim ngạch vẫn tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước do giá xuất khẩu bình quân giảm: Cà phê đạt 2,2 tỷ USD, giảm 4,5% (lượng tăng 12,2%); cao su đạt 1 tỷ USD, giảm 9,7% (lượng tăng 11,3%); hạt tiêu đạt 520 triệu USD, giảm 35,7% (lượng tăng 4,5%). Dầu thô tính chung 7 tháng tiếp tục giảm mạnh về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước: Kim ngạch xuất khẩu dầu thô đạt 1,3 tỷ USD, giảm 25,3% (lượng giảm 46,4%).

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 7 tháng, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 25,5 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó điện thoại và linh kiện tăng 18,4%; hàng dệt may tăng 11,5%. Tiếp đến là EU đạt 24,2 tỷ USD, tăng 12,9%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 20,1%; điện thoại và linh kiện tăng 19,8%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 18,8%. Trung Quốc đạt 19,5 tỷ USD, tăng 24,7%, trong đó điện thoại và linh kiện tăng 193,6%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 26,7%; rau quả tăng 10,8%. Thị trường ASEAN đạt 14,2 tỷ USD, tăng 16,2%, trong đó gạo tăng 199,2%; sắt thép tăng 51,9%; hàng dệt may tăng 34,6%. Nhật Bản đạt 10,4 tỷ USD, tăng 10,2%, trong đó hàng dệt may tăng 22,8%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 3,4%. Hàn Quốc đạt 10,2 tỷ USD, tăng 31,9%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 59,2%; điện thoại và linh kiện tăng 28%; hàng dệt may tăng 21,8%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 6/2018 đạt 19.046 triệu USD, thấp hơn 654 triệu USD so với số ước tính, trong đó rau quả thấp hơn

21 triệu USD; sợi dệt thấp hơn 28 triệu USD; hóa chất thấp hơn 33 triệu USD; chất dẻo thấp hơn 35 triệu USD; kim loại thường thấp hơn 40 triệu USD; sản phẩm chất dẻo thấp hơn 45 triệu USD; sắt thép thấp hơn 77 triệu USD; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép thấp hơn 88 triệu USD; vải thấp hơn 162 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng thấp hơn 197 triệu USD; ô tô cao hơn 102 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 66 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 26 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Bảy ước tính đạt 19,8 tỷ USD, tăng 4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8,2 tỷ USD, tăng 1,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,6 tỷ USD, tăng 5,9%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với tháng trước: Kim loại thường tăng 67,3%; rau quả tăng 33,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 7%; sắt thép tăng 7%; hóa chất tăng 5,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 4,2%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu tháng 7/2018 tăng 13,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 12,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 14,4%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với cùng kỳ năm trước: Kim loại thường tăng 89,2%; sắt thép tăng 50,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 9,1%.

Tính chung 7 tháng, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 130,63 tỷ USD, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 54,16 tỷ USD, tăng 12,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 76,47 tỷ USD, tăng 8,5%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 23,1 tỷ USD, tăng 13,5%; vải đạt 7,4 tỷ USD, tăng 14,9%; sắt thép đạt 5,9 tỷ USD, tăng 11,6%; xăng dầu đạt 5,4 tỷ USD, tăng 36,4%; chất dẻo đạt 5,1 tỷ USD, tăng 18,8%; kim loại thường đạt 4,3 tỷ USD, tăng 26,4%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 3,3 tỷ USD, tăng 3,7%; hóa chất đạt 2,9 tỷ USD, tăng 27,1%.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu 7 tháng, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 35,8 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng

chiếm tỷ trọng lớn tăng: Xăng dầu tăng 101,4%; vải tăng 18,8%; điện thoại và linh kiện tăng 6,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 5,1%; sắt thép tăng 11,8% (lượng giảm 12,4%). Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc với kim ngạch nhập khẩu đạt 26,5 tỷ USD, tăng 0,2%, trong đó sắt thép tăng 24,8%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 17,9%; điện thoại và linh kiện giảm 15,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng giảm 37%. ASEAN đạt 18,1 tỷ USD, tăng 13,5%, trong đó xăng dầu tăng 23,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 17,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 14,4%. Nhật Bản đạt 10,4 tỷ USD, tăng 12,8%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 27,2%; sắt thép tăng 19,6%; vải tăng 18,1%. EU đạt 7,5 tỷ USD, tăng 9,8%, trong đó vải tăng 27,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 16,2%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 7,6%. Hoa Kỳ đạt 7 tỷ USD, tăng 25,7%, trong đó thức ăn gia súc tăng 109,1%; bông tăng 21,5%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 8,2%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Sáu xuất siêu 799 triệu USD[8]. Tháng Bảy ước tính nhập siêu 300 triệu USD. Tính chung 7 tháng cán cân thương mại hàng hóa vẫn duy trì xuất siêu với 3,1 tỷ USD[9], trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,2 tỷ USD. Điều chú ý là tình hình chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc ngày càng căng thẳng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta trong thời gian tới. Do đó, Việt Nam cần theo dõi sát tình hình và chủ động có giải pháp ứng phó để hạn chế tác động bất lợi.

### ***c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ***

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2018 giảm 0,09% so với tháng trước, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế có mức giảm cao nhất 5,85% (dịch vụ y tế giảm 7,58%) do điều chỉnh giảm giá dịch vụ y tế[10] làm CPI chung giảm 0,29%. Nhóm giao thông giảm 0,52% chủ yếu do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 22/6/2018 và thời điểm 23/7/2018 làm CPI chung giảm 0,05%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,05%. Các nhóm còn lại đều có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn



uống tăng 0,43%, trong đó lương thực giảm 0,92% do giá gạo giảm 0,8%[11]; thực phẩm tăng 0,87% chủ yếu do giá thịt lợn tăng 3,02% (làm CPI chung tăng 0,13%). Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,37% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện, nước tăng cao[12]. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,26%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,12%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,11%; nhóm đồ uống, thuốc lá và nhóm giáo dục cùng tăng 0,05%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,56%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng năm 2018 tăng 3,45% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tháng 7/2018 tăng 2,13% so với tháng 12/2017 và tăng 4,46% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 7/2018 tăng 0,15% so với tháng trước và tăng 1,41% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 7 tháng năm nay tăng 1,36% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Chỉ số giá vàng tháng 7/2018 giảm 1,57% so với tháng trước; tăng 0,48% so với tháng 12/2017 và tăng 2,88% so với cùng kỳ năm trước. Do giá đô la Mỹ trong tháng biến động khá mạnh trên thị trường thế giới, ngày 23/7/2018 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giá bán đô la Mỹ từ mức 23.050 VND/USD lên 23.273 VND/USD phù hợp hơn với tình hình thị trường trong nước và quốc tế. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2018 tăng 0,84% so với tháng trước; tăng 1,3% so với tháng 12/2017 và tăng 1,28% so với cùng kỳ năm 2017.

#### ***d) Vận tải hành khách và hàng hóa***

Vận tải hành khách tháng Bảy ước tính đạt 390,7 triệu lượt khách, tăng 0,7% so với tháng trước và 17,6 tỷ lượt khách.km, tăng 1,3%. Tính chung 7 tháng năm 2018, vận tải hành khách đạt 2.653,1 triệu lượt khách, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước và 117,8 tỷ lượt khách.km, tăng 10,5%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 2.503,2 triệu lượt khách, tăng 10,3% và 81,7 tỷ lượt khách.km, tăng 10,6%; đường thủy nội địa đạt 111,2 triệu lượt khách, tăng 6,1% và 2,1 tỷ lượt khách.km, tăng 6,3%; đường biển đạt 4,3 triệu lượt khách, tăng 6,3% và 253,2 triệu lượt khách.km, tăng 6,8%; đường hàng

không đạt khá với 28,9 triệu lượt khách, tăng 14,6% và 31,4 tỷ lượt khách.km, tăng 11,9%; riêng vận tải đường sắt đạt 5,5 triệu lượt khách, giảm 10,3% và 2,4 tỷ lượt khách.km, giảm 4,5%.

Vận tải hàng hóa tháng Bảy ước tính đạt 137,4 triệu tấn, tăng 0,8% so với tháng trước và 25,6 tỷ tấn.km, tăng 1%. Tính chung 7 tháng, vận tải hàng hóa đạt 933,6 triệu tấn, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước và 173,6 tỷ tấn.km, tăng 6,9%, trong đó vận tải trong nước đạt 913,9 triệu tấn, tăng 9,7% và 93,7 tỷ tấn.km, tăng 9,6%; vận tải ngoài nước đạt 19,6 triệu tấn, tăng 2,4% và 79,8 tỷ tấn.km, tăng 3,9%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 720,4 triệu tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và 47,5 tỷ tấn.km, tăng 10,9%; đường thủy nội địa đạt 165,1 triệu tấn, tăng 7,5% và 34,8 tỷ tấn.km, tăng 7,2%; đường biển đạt 44,5 triệu tấn, tăng 4,7% và 88,5 tỷ tấn.km, tăng 4,5%; đường sắt đạt 3,3 triệu tấn, tăng 2,3% và 2,3 tỷ tấn.km, tăng 13,6%; đường hàng không đạt 205,7 nghìn tấn, tăng 14,1% và 541,4 triệu tấn.km, tăng 12,9%.

#### ***e) Khách quốc tế đến Việt Nam***

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Bảy ước tính đạt 1.188,8 nghìn lượt người, tăng 0,5% so với tháng trước, trong đó: Khách đến bằng đường hàng không tăng 0,2%; bằng đường bộ tăng 8,6%; khách đến bằng đường biển giảm mạnh 74,6% do chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3. So với cùng kỳ năm trước, khách quốc tế đến nước ta trong tháng tăng 14,7%, trong đó khách đến từ châu Á tăng 17,4%; từ châu Âu tăng 5,4%; từ châu Mỹ tăng 10,3%; từ châu Úc tăng 1,1%; từ châu Phi tăng 17,5%.

Tính chung 7 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 9.080,3 nghìn lượt người, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 7.357,9 nghìn lượt người, tăng 20,2%; đến bằng đường bộ đạt 1.544,6 nghìn lượt người, tăng 63,3%; đến bằng đường biển đạt 177,8 nghìn lượt người, giảm nhẹ 0,2%.

Trong 7 tháng, khách đến từ châu Á đạt 6.988,6 nghìn lượt người, chiếm 77% tổng số khách du lịch đến nước ta, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước,

trong đó khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều tăng: Khách đến từ Trung Quốc đạt 2.973,4 nghìn lượt người, tăng 34,1%; Hàn Quốc 1.966 nghìn lượt người, tăng 56,1%; Nhật Bản 464,4 nghìn lượt người, tăng 6,2%; Đài Loan 405,2 nghìn lượt người, tăng 13,3%; Ma-lai-xi-a 296,2 nghìn lượt người, tăng 12%; Thái Lan 187,2 nghìn lượt người, tăng 9,9%; Xin-ga-po 158,8 nghìn lượt người, tăng 4,7%. Riêng khách đến từ Lào đạt 76 nghìn lượt người, giảm 8,4%.

Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.230,1 nghìn lượt người, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Liên bang Nga 373,2 nghìn lượt người, tăng 7,2%; Vương quốc Anh 179,9 nghìn lượt người, tăng 7,9%; Đức 125,5 nghìn lượt người, tăng 9,4%; Hà Lan 43,7 nghìn lượt người, tăng 9,4%. Bên cạnh đó, một số nước có số lượng khách không nhiều nhưng có mức tăng khá cao so với cùng kỳ (trên 10%): Pháp 172,9 nghìn lượt người, tăng 12%; I-ta-li-a 36,6 nghìn lượt người, tăng 16,6%; Thụy Điển 35,4 nghìn lượt người, tăng 14,8%; Đan Mạch 27,5 nghìn lượt người, tăng 16,6%; Phần Lan 16,9 nghìn lượt người, tăng 35,2%.

Khách đến từ châu Mỹ đạt 570,8 nghìn lượt người, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 433,5 nghìn lượt người, tăng 15%. Khách đến từ châu Úc đạt 266,5 nghìn lượt người, tăng 8,4%, trong đó khách đến từ Ô-x-trây-li-a đạt 237,8 nghìn lượt người, tăng 9,1%. Khách đến từ châu Phi đạt 24,3 nghìn lượt người, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2017.

## **7. Một số tình hình xã hội**

### ***a) Thiếu đói trong nông dân***

Trong tháng Bảy, cả nước có 2,2 nghìn hộ thiếu đói, giảm 30,6% so với cùng kỳ năm 2017, tương ứng với 9,7 nghìn nhân khẩu thiếu đói, giảm 22,9%. Tính chung 7 tháng năm 2018, cả nước có 96,2 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 39,4% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 383,5 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 41,1%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm đến nay, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 7,4 nghìn tấn lương thực và khoảng 500 triệu đồng.

### ***b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm***

Trong tháng Bảy, cả nước có 4,8 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 7,1 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (3 trường hợp tử vong); 47 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 106 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (2 trường hợp tử vong); 103 trường hợp mắc bệnh ho gà; 10 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người và 166 người bị ngộ độc thực phẩm (1 người tử vong). Tính chung 7 tháng năm 2018, cả nước có 21,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 29,9 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (8 trường hợp tử vong); 338 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 439 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (7 trường hợp tử vong); 333 trường hợp mắc bệnh ho gà; 63 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (5 trường hợp tử vong); 36 trường hợp tử vong do bệnh dại và 1.373 người bị ngộ độc thực phẩm (8 người tử vong).

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 15/7/2018 là 208,8 nghìn người và số trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 91,8 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 98 nghìn người.

### ***c) Tai nạn giao thông***

Trong tháng (từ 16/6 đến 15/7), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.351 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 685 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 666 vụ va chạm giao thông, làm 613 người chết, 393 người bị thương và 686 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng 7/2018 giảm 14,4% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 8,8% và số vụ va chạm giao thông giảm 19,6%); số người chết giảm 2,2%; số người bị thương giảm 5,1% và số người bị thương nhẹ giảm 22,7%. Đáng lưu ý, trong tháng xảy ra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng như: Vụ tai nạn xảy ra ngày 1/7 tại Bình Phước làm 2 người chết và 1 người bị thương; vụ tai nạn xảy ra ngày 6/7 trên đường Trường Sơn Đông đoạn qua Gia Lai làm 1 người chết và 21 người bị thương; vụ tai nạn giữa xe container với 2 xe mô tô ngày 16/7 tại Long An làm 1 người chết và 5 người

bị thương; vụ tai nạn xe khách xảy ra ngày 20/7 tại Bình Thuận làm 2 người chết và 8 người bị thương; vụ tai nạn xe khách xảy ra ngày 22/7 tại Cao Bằng làm 4 người chết và 11 người bị thương.

Tính chung 7 tháng năm 2018, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 10.350 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 5.329 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 5.021 vụ va chạm giao thông, làm 4.716 người chết, 2.858 người bị thương và 5.248 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 7 tháng năm nay giảm 7,4% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 3,9%; số vụ va chạm giao thông giảm 10,7%); số người chết giảm 0,9%; số người bị thương tăng 2,1% và số người bị thương nhẹ giảm 18,5%. Bình quân 1 ngày trong 7 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 49 vụ tai nạn giao thông, gồm 25 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 24 vụ va chạm giao thông, làm 22 người chết, 14 người bị thương và 25 người bị thương nhẹ.

#### ***d) Thiệt hại do thiên tai***

Theo báo cáo sơ bộ từ các địa phương, thiên tai trong 7 tháng năm nay[13] đã làm 78 người chết và mất tích, 64 người bị thương; hơn 740 ngôi nhà bị sập đổ và cuốn trôi; 18,1 nghìn ngôi nhà bị ngập nước, sạt lở, hư hỏng và tốc mái; 12,6 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 1.468 tỷ đồng.

Đáng chú ý là cơn bão số 3 đã gây nhiều thiệt hại về người và tài sản. Theo ước tính sơ bộ, bão số 3 làm 34 người chết và người mất tích, 26 người bị thương; hơn 7,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và ngập nước; 5,2 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng và di dời khẩn cấp; 96,4 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập úng; 6,5 nghìn con gia súc và 115 nghìn con gia cầm bị chết và cuốn trôi; 6,2 nghìn ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng; nhiều tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ bị sạt lở gây ách tắc giao thông. Trong đó, Yên Bái là địa phương bị thiệt hại nặng nề nhất do cơn bão số 3 với 17 người chết và mất tích, 18 người bị thương; 166 ngôi nhà bị sập đổ hoàn toàn, gần 1.000 ngôi nhà bị hư hỏng và di dời khẩn cấp; 1,1 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập úng; gần 4 nghìn con gia

súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi; hơn 350 ha nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng.

***e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ***

Trong tháng Bảy, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.239 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.212 vụ với tổng số tiền phạt 18,8 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng đã phát hiện 8.930 vụ vi phạm môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 8.390 vụ với tổng số tiền phạt hơn 116,8 tỷ đồng.

Trong tháng 7/2018, trên địa bàn cả nước xảy ra 369 vụ cháy, nổ, làm 3 người chết và 17 người bị thương, thiệt hại ước tính gần 214 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng, cả nước xảy ra 2.460 vụ cháy, nổ, làm 70 người chết và 186 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 1.414 tỷ đồng./.

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

*[1] 7 tháng năm 2017, ngành khai khoáng giảm 7,5% so với cùng kỳ năm trước; chế biến, chế tạo tăng 10%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,9%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,8%.*

*[2] Nguyên nhân chủ yếu do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa) có quy mô lớn bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 6 năm nay và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (Quảng Ngãi) cùng kỳ năm trước không sản xuất để bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.*

*[3] Trong đó, có một doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử tại Đà Nẵng trong tháng 6 giảm khoảng 2.400 lao động do gặp khó khăn về hợp đồng sản xuất.*

*[4] Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*

*[5] So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp giảm 3,5%; số vốn đăng ký tăng 29,1%.*

*[6] 7 tháng năm 2017, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước; số vốn đăng ký tăng 39%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 22,2%.*

*[7] Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải*

thể tăng cao trong đó có nguyên nhân thời gian này các phòng đăng ký kinh doanh trên cả nước đang rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, loại bỏ các doanh nghiệp không còn hoạt động trong thời gian dài.

[8] Ước tính tháng Sáu nhập siêu 100 triệu USD.

[9] Trong đó, 7 tháng nhập siêu từ Hàn Quốc 16,3 tỷ USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 16,3 tỷ USD, tăng 1,6%.

[10] Theo Thông tư 15/2018/TT/BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế về việc quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

[11] Các địa phương phía Bắc đã kết thúc thu hoạch lúa đông xuân, nguồn cung dồi dào nên giá một số loại gạo giảm so với tháng trước, đồng thời giá gạo xuất khẩu giảm từ 10-30 USD/tấn.

[12] Chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 0,89%, chỉ số giá nước sinh hoạt tăng 0,35%.

[13] Chưa bao gồm thiệt hại do cơn bão số 3.